TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông, bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022, đối với:

* Bị cáo: Phạm Thị C, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1986; trú tại: Thôn T, xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Dương A (đã chết) và bà Phạm Thị T; chồng: Nguyễn Văn Q (đã chết), con: 04 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2022 đến ngày 12/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000; trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992; trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1994; trú tại: Thôn P, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Lê Thế C, sinh năm 1976; trú tại: Thôn V, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Y, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962; trú tại: Thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Ông Phạm Kim V, sinh năm 1959; trú tại: Thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Bàn M, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Ông Thiều Đức T, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 03/01/2022, Công an huyện Vĩnh Tường nhận được tin báo của quần chúng nhân dân cung cấp về việc tại nhà ở Phạm Thị C, sinh năm 1986 ở thôn T, xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đang có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự qua việc nhận cầm cắm xe mô tô cho các đối tượng đem đến thế chấp để vay tiền rồi Ch thu tiền lãi trước với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật. Công an huyện Vĩnh Tường đã phối hợp cùng Công an xã C tiến hành xác minh nguồn tin, kiểm tra nhà ở của Phạm Thị C thì phát hiện thấy C vừa làm thủ tục cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000, trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cắm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 150I, màu sơn đen, BKS: 88L1- 665.90 để vay số tiền 40.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày, C thu lãi trước 30 ngày với số tiền 3.600.000đ nên chỉ đưa cho anh Q số tiền 36.400.000đ. Công an huyện Vĩnh Tường đã lập biên bản sự việc đồng thời tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ tại mặt bàn uống nước kê trong phòng khách nhà ở của C:

+ 01 giấy bán xe đề ngày 31/12/2021 có nội dung: Nguyễn Tiến D, HKTT: đội 10, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho ông Thiều Đức T ở thôn T, xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Lead, BKS: 88L1- 556.79 với số tiền 10.000.000đ.

+ 01 giấy bán xe đề ngày 02/01/2022 có nội dung: Bùi Văn , HKTT: thôn 6, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho Phạm Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe SH 125I, BKS: 88L1- 442.32.

+ 01 giấy bán xe đề ngày 03/01/2022 có nội dung: Nguyễn Văn Q, HKTT: Khu 2, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho Phạm Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe SH 150I, BKS: 88L1- 665.90

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003935 của xe mô tô BKS: 88L1- 665.90 do Công an huyện Vĩnh Tường cấp ngày 28/7/2021.

+ 01 căn cước công dân số 026200000840 mang tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/4/2000, nơi thường trú: Khu 2, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Bộ Công an cấp ngày 30/3/2016.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 041973 của xe mô tô BKS: 88L1- 556.79 do Công an huyện Vĩnh Tường cấp ngày 13/5/2019.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024993 của xe mô tô BKS: 88L1- 442.32 do Công an huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/7/2017.

+ 01 chiếc túi xách giả da màu đen. Kiểm tra bên trong có: Số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 căn cước công dân số 026186002643 mang tên Phạm Thị C, sinh ngày 10/02/1986, nơi thường trú: thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Bộ Công an cấp ngày 20/4/2017; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Apple, loại Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 355018171510228, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 033.666.8485 của Phạm Thị C.

- Tạm giữ tại túi áo khoác bên trái đang mặc trên người của Nguyễn Văn Q số tiền 36.400.000đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Tạm giữ tại sân nhà ở của Phạm Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 150I, màu sơn: Đen, số khung: RLHKF421XMY013107, số máy: KF42E1060877, gắn BKS: 88L1- 665.90. Kiểm tra bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Ngày 03/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 07 đối với nơi ở của Phạm Thị C tại thôn T, xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình khám xét đã tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ tại ngăn tủ quần áo trong phòng ngủ tầng 1:

+ 01 giấy nhận tiền có nộp dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H trú tại thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nhận của Chu Văn L, sinh ngày 30/01/1975, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 100.000.000đ để mua giúp anh Chu Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH nhập khẩu.

+ 01 giấy biên nhận vay tiền có nội dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H, sinh năm 1993, chỗ ở hiện tại: thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có vay của anh Chu Văn L số tiền 100.000.000đ.

+ 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, số CMND: 026076001042 vay

của cửa hàng cầm đồ 0303 (địa chỉ: xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) số tiền 100.000.000đ.

+ 01 hợp đồng vay tài sản có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C, sinh năm 1976, trú tại xóm V, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 100.000.000đ (không ghi thông tin bên cho vay) trong thời hạn 02 tháng từ ngày 13/9/2021 đến ngày 13/11/2021.

- Tạm giữ trong két sắt kê tại phòng ngủ tầng 1: Số tiền 790.000.000đ (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

- Tạm giữ tại sân nhà Phạm Thị C:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 125I, màu sơn: Trắng-đen, số máy: JF73E0016614, số khung: RLHJF730XGY016516, gắn BKS: 88L1- 442.32. Kiểm tra bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Lead, màu sơn: Đỏ-nâu-bạc, số máy: JF79E0634119, số khung: RLHJF7914HZ078246, gắn BKS: 88L1-556.79. Kiểm tra bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Quá trình điều tra xác định:

Từ năm 2010 đến nay, C chung sống như vợ chồng và ở cùng nhà với ông Thiều Đức T, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ khoảng tháng 4/2018, C bắt đầu tham gia hoạt động cho vay, cầm cố tài sản không có giấy phép tại nhà ở của mình với mục đích thu lời bất chính qua việc cho khách vay tiền rồi thu tiền lãi cao. C là người trực tiếp cho khách vay tiền, thỏa thuận lãi suất với khách, đứng ra làm các thủ tục cho khách vay tiền, đưa tiền cho khách vay, thu tiền lãi và tiền gốc do khách trả. Khi nhận cầm cố xe mô tô cho khách thì C yêu cầu khách vay phải viết giấy bán xe mô tô này cho C hoặc ông Thiều Đức T với giá tương ứng với số tiền mà khách muốn vay của C khi cầm cố tài sản để nếu khách không trả nợ đúng hạn thì C có thể bán thanh lý các xe mô tô đó. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được xác định từ năm 2018 đến nay thì C đã cho 05 người vay tiền với lãi suất cao trái với quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

1.1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000, trú tại thị trấn T- huyện Vĩnh Tường- tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 03/01/2022, anh Q điều khiển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 150I, màu sơn: đen, số máy: KF42E1060877, số khung: RLHKF421XMY013107, BKS: 88L1- 665.90 của mình đi cùng anh Nguyễn Văn H- SN: 1985, trú tại xã T- huyện Vĩnh Tường- tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà C để cầm cắm. Tại đây, C đồng ý nhận cầm cắm cho anh Q chiếc xe mô tô trên với số tiền 40.000.000đ và yêu cầu anh Q trả lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm). C thu lãi trước 30 ngày với số tiền là 3.600.000đ nên chỉ đưa cho anh Q số tiền 36.400.000đ. Khi nhận cầm

cắm xe thì C yêu cầu anh Q phải viết cho C 01 giấy bán xe, đồng thời phải để lại xe mô tô, đăng ký xe mô tô trên và Căn cước công dân của mình cho C quản lý, khi nào anh Q trả đủ số tiền vay thì C sẽ trả lại cho các tài sản và giấy tờ trên. Khi C và anh Q vừa giao dịch chuyển tiền cho nhau xong thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện.

Tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho C là 3.600.000đ. Số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật (20%/năm) của 30 ngày là 657.534đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh Q vay tiền rồi thu lãi là 2.942.466đ.

1.2. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 02/01/2022, anh Đ điều khiển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 125I, màu sơn: Trắng- đen, số máy: JF73E0016614, số khung: RLHJF730XGY016516, BKS: 88L1- 442.32 của mình đến nhà C để cầm cắm. Tại đây, C đồng ý nhận cầm cắm cho anh Đ chiếc xe mô tô BKS: 88L1- 442.32 với số tiền 30.000.000đ và yêu cầu anh Đ trả lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm). C thu lãi trước 30 ngày với số tiền là 2.700.000đ nên chỉ đưa cho anh Đ số tiền 27.300.000đ. Khi nhận cầm cắm xe thì C yêu cầu anh Đ phải viết cho C 01 giấy bán xe, đồng thời phải để lại xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên cho C quản lý, khi nào anh Đ trả đủ số tiền vay thì C sẽ trả lại cho các tài sản và giấy tờ trên. Hiện tại, anh Đ vẫn chưa trả tiền gốc vay nêu trên cho C.

Tổng số tiền lãi anh Đ đã trả cho C là 2.700.000đ. Số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật (20%/năm) của 30 ngày là 493.151đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh Đ vay tiền rồi thu lãi là 2.206.849đ.

1.3. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1994, trú tại xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 31/12/2021, anh D mượn của chị Vũ Thị H, sinh năm 1990, trú tại xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Lead, màu sơn: Đỏ- nâu- bạc, số máy: JF79E0634119, số khung: RLHJF7914HZ078246, BKS: 88L1- 556.79 để đem đi cầm cắm thì chị H đồng ý. Sau đó, anh D điều khiển xe mô tô trên đến nhà C. Tại đây, C đồng ý nhận cầm cắm cho anh D chiếc xe mô tô trên với số tiền 10.000.000đ và yêu cầu D trả lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm). C thu lãi trước 30 ngày với số tiền là 900.000đ nên chỉ đưa cho anh D số tiền 9.100.000đ. Khi nhận cầm cắm xe thì C yêu cầu anh D phải viết 01 giấy bán xe mô tô trên cho ông Thiều Đức T, sinh năm 1963, trú tại xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời phải để lại xe mô tô và đăng ký

xe mô tô trên cho C quản lý, khi nào anh D trả đủ số tiền vay thì C sẽ trả lại cho các tài sản và giấy tờ trên. Hiện tại, anh D vẫn chưa trả tiền gốc vay nêu trên cho C.

Tổng số tiền lãi anh D đã trả cho C là 900.000đ. Số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật (20%/năm) của 30 ngày là 164.384đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh D vay tiền rồi thu lãi là 735.617đ.

1.4. Anh Lê Thế C, sinh năm 1976, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 13/9/2021, anh C đến nhà Chín để hỏi vay tiền thì C đồng ý cho anh C vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 146%/năm). C thu lãi trước 30 ngày với số tiền là 12.000.000đ nên chỉ đưa cho anh C số tiền 88.000.000đ. Khi cho vay tiền thì C yêu cầu anh C phải viết cho C 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ với bên cho vay là cửa hàng cầm đồ 0303 có địa chỉ tại xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc do anh Đặng Quang H, sinh năm 1992, trú tại xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ (Giấy vay tiền kiêm nhận nợ này là mẫu đánh máy sẵn của anh H cho C để C chỉnh sửa lại người cho vay và sử dụng làm mẫu khi cho khách vay tiền nhưng C đã sử dụng luôn mẫu giấy nhận tiền và giấy vay tiền kiêm nhận nợ này để anh C viết nội dung trên khi cho anh C vay tiền); 01 Hợp đồng cho vay tài sản và không phải thế chấp tài sản gì. Đến ngày 13/11/2021, anh C trả cho C số tiền 100.000.000đ đã vay và 12.000.000đ tiền lãi của 30 ngày tiếp theo nhưng giấy vay tiền kiêm nhận nợ và Hợp đồng cho vay tài sản mà anh C đã viết thì C vẫn để tại ngăn kéo tủ quần áo trong phòng ngủ tầng 1 nhà mình và đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét vào ngày 03/01/2022.

Tổng số tiền lãi anh C đã trả cho C là 24.000.000đ. Số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật (20%/năm) của 60 ngày là 3.287.671đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh C vay tiền rồi thu lãi là 20.712.329đ.

1.5. Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1993, trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 08/4/2018, anh H đến nhà C để hỏi vay tiền thì C đồng ý cho anh H vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm). C không thu lãi trước mà đưa đủ cho anh H số tiền 100.000.000đ. Khi cho vay tiền thì C không yêu cầu anh H phải thế chấp tài sản gì mà phải viết cho C 01 giấy nhận tiền, 01 giấy biên nhận vay tiền của anh Chu Văn L, sinh năm 1975, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (Giấy nhận tiền và giấy biên nhận vay tiền này là mẫu đánh máy sẵn của anh L cho C để C chỉnh sửa lại người cho vay và sử dụng làm mẫu khi cho

khách vay tiền nhưng C đã sử dụng luôn mẫu giấy nhận tiền và giấy biên nhận vay tiền này để anh H viết nội dung trên khi cho anh H vay tiền). Lần lượt các ngày 08/5/2018, 08/6/2018, 08/7/2018 mỗi lần anh H trả cho C 9.000.000đ tiền lãi. Đến ngày 08/9/2018, do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả tiền lãi nữa nên anh H và C thống nhất từ ngày 08/9/2021 C sẽ không tính tiền lãi đối với khoản vay trên nữa mà mỗi tháng anh H chỉ cần trả cho C 5.000.000đ tiền gốc. Hiện tại, anh H đã trả cho C 85.000.000đ tiền gốc vay và còn nợ lại số tiền 15.000.000đ đã vay nêu trên.

Tổng số tiền lãi anh H đã trả cho C là 27.000.000đ. Số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật (20%/năm) của 90 ngày là 4.931.507đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh H vay tiền rồi thu lãi là 22.068.493đ.

Tổng số tiền Phạm Thị C cho anh Nguyễn Văn Q; Bùi Văn Đ, Nguyễn Tiến D, Lê Thế C và Phạm Tiến H vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) lãi suất thấp nhất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) và cao nhất là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 146%/năm). Tổng số tiền lãi bị can thu được là 58.200.000đ; mức lãi suất tối đa bị can được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, tương ứng với số tiền 9.534.247đ (Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Do vậy, số tiền thu lời bất chính là 48.665.753đ.

Có 02 lượt khách vay đã trả tiền gốc cho C với tổng số tiền khách trả là 185.000.000đ. Sau đó, C tiếp tục sử dụng số tiền 165.000.000đ để cho người khác vay tiền với lãi suất cao trái quy định của pháp luật, còn lại số tiền 20.000.000đ C sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Cụ thể:

- Từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2020, anh Phạm Tiến H trả cho C số tiền 85.000.000đ thì C đã sử dụng toàn bộ số tiền này cho anh Lê Thế C vay vào ngày 13/9/2021.

- Ngày 13/11/2021, anh Lê Thế C trả cho C số tiền 100.000.000đ thì C sử dụng 10.000.000đ cho anh Nguyễn Tiến D vay vào ngày 31/12/2021, 30.000.000đ cho anh Bùi Văn Đ vay vào ngày 02/01/2022, 40.000.000đ cho anh Nguyễn Văn Q vay vào ngày 03/01/2022, còn lại số tiền 20.000.000đ C sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/3/2022, anh Nguyễn Văn Q tự nguyện giao nộp số tiền 3.600.000đ đã vay của C ngày 03/01/2022, anh Bùi Văn Đ tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000đ đã vay của C ngày 02/01/2022, anh Nguyễn Tiến D tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ đã vay của C ngày 31/12/2021, anh Phạm Tiến H tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000đ đã vay của C ngày 08/4/2018.

Ngày 08/3/2022, Phạm Thị C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 32.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSVT ngày 08/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố bị cáo Phạm Thị C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo C; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị C từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2022 đến ngày 12/01/2022. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo khai nhận:

Trong thời gian từ ngày 08/4/2018 đến ngày 03/01/2022, Phạm Thị C, sinh năm 1986 ở xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã cho nhiều người vay tiền với lãi xuất cao, cụ thể:

- Ngày 08/4/2018, C cho anh Phạm Tiến H, sinh năm 1993, trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) thu lời bất chính 22.068.493đ.

- Ngày 13/9/2021, C cho anh Lê Thế C, sinh năm 1976, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 146%/năm) thu lời bất chính 20.712.329đ .

- Ngày 31/12/2021, C cho anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1994, trú tại xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) thu lời bất chính 735.616đ.

- Ngày 02/01/2022, C cho anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) thu lời bất chính 2.206.849đ.

- Ngày 03/01/2022, C cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000, trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 40.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) thu lời bất chính 2.942.466đ.

Tổng số tiền Phạm Thị C cho anh Nguyễn Văn Q; Bùi Văn Đ, Nguyễn Tiến D, Lê Thế C và Phạm Tiến H vay là 280.000.000đ, C thu lời bất chính được số tiền là 48.665.753đ.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của Phạm Thị C đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự,

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

[4]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Mặc dù bản thân bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, đã cho vay với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm, cao gấp từ 05 đến 08 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự với tổng cộng số tiền 48.665.753đ đồng. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong thời gian được tại ngoại đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết, có thể cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo, không có công ăn việc làm ổn định, một mình phải nuôi 4 con nhỏ, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng và các vấn đề khác:

- Đối với việc C yêu cầu anh Nguyễn Tiến D viết 01 giấy bán xe mô tô cho ông Thiều Đức T; anh Lê Thế C viết 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ với bên cho vay là cửa hàng cầm đồ 0303 có địa chỉ tại xã T, huyện Vĩnh Tường do anh Đặng Quang H làm chủ; anh Phạm Tiến H viết 01 giấy nhận tiền, 01 giấy biên nhận vay tiền của anh Chu Văn L khi vay tiền của C. Quá trình điều tra xác định, C tự ý yêu cầu anh D, anh C và anh H viết các giấy tờ nêu trên khi C cho vay tiền. Ông T, anh H và anh L không biết việc C cho những người đó vay tiền với lãi suất cao trái quy định của pháp luật. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông T, anh H, anh L là phù hợp.

- Đối với số tiền 3.600.000đ. Quá trình điều tra xác định, đây là tiền lãi do C đã thu của anh Nguyễn Văn Q đối với khoản vay 40.000.000đ ngày 03/01/2022 (Trong đó, số tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật là 657.534đ, số tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh Q vay tiền rồi thu lãi là 2.942.466đ). Vì vậy cần trả lại cho anh Q số tiền 2.942.466đ và tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 657.534đ.

- Đối với số tiền 36.400.000đ. Quá trình điều tra xác định, số tiền này C cho anh Q vay vào ngày 03/01/2022 với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.600.000đ do anh Nguyễn Văn Q tự nguyện giao nộp, số tiền 30.000.000đ do anh Bùi Văn Đ tự nguyện giao nộp, số tiền 10.000.000đ do anh Nguyễn Tiến D tự nguyện giao nộp, số tiền 15.000.000đ do anh Phạm Tiến H tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định số tiền này là C cho

những người nêu trên vay với lãi suất cao, đây là vật chứng được C sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 45.723.287đ là tiền thu lời bất chính của C có được qua việc cho anh Đ, anh D, anh C, anh H vay tiền (Trong đó, C thu lời bất Chính của anh Đ là 2.206.849đ, anh D là 735.616đ, anh C là 20.712.329đ, anh H là 22.068.493đ). Ngày 10/02/2022, C đã trả lại cho anh Đ số tiền 2.684.000đ, anh D số tiền 884.000đ, anh C số tiền 20.658.000đ, anh H số tiền 18.617.000đ. Anh Đ, anh D, anh C, anh H không ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 790.000.000đ tạm giữ trong két sắt trong phòng ngủ nhà C. Số tiền này là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị T và ông Phạm Kim V (bà T là chị gái ruột C, ông V là chồng bà T). Quá trình điều tra xác định: Ngày 16/11/2021, sau khi vay số tiền 800.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)- Chi nhánh Bình Xuyên (Phòng giao dịch Vĩnh Lạc) để kinh doanh, làm ăn thì bà T và ông V đã gửi số tiền 790.000.000đ ở nhà C nhờ cất giữ hộ do gia đình bà T, ông V không có két sắt để cất giữ tiền. C không sử dụng số tiền trên vào việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy, Cơ quan điều tra trả lại số tiền trên cho bà T và ông V. Bà T và ông V đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 150I, màu sơn: Đen, BKS: 88L1- 665.90; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003935 của xe mô tô BKS: 88L1- 665.90 và 01 căn cước công dân số 026200000840 mang tên Nguyễn Văn Q. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Q đã cầm cắm cho C để vay số tiền 40.000.000đ. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô, đăng ký xe mô tô và căn cước công dân này cho anh Q. Anh Qu đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH 125I, màu sơn: Trắng- đen, BKS: 88L1- 442.32; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024993 của xe mô tô BKS: 88L1- 442.32. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn Đ đã cầm cắm cho C để vay số tiền 30.000.000đ. Do vậy, Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô này cho anh Đ. Nhận lại tài sản anh Đ không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Lead, màu sơn: Đỏ-nâu-bạc, BKS: 88L1- 556.79; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 041973 của xe mô tô BKS: 88L1- 556.79. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị H. Ngày 31/12/2021, anh Nguyễn Tiến D hỏi mượn xe mô tô trên của chị H để đi cầm cắm thì chị H đồng ý. Do vậy, Cơ quan

điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô này cho chị H. Nhận lại tài sản chị H không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc túi xách giả da màu đen; 01 căn cước công dân số 026186002643 mang tên Phạm Thị C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Apple, loại Iphone 12 Pro Max, màu vàng, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 033.666.8485 là tài sản hợp pháp của C, không liên quan gì đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra trả lại các tài sản trên cho C. Sau khi nhận lại tài sản, C không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 giấy bán xe đề ngày 31/12/2021 có nội dung: Nguyễn Tiến D bán cho ông Thiều Đức T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Lead, BKS: 88L1- 556.79 với số tiền 10.000.000đ; 01 giấy bán xe đề ngày 02/01/2022 có nội dung: Bùi Văn Đ bán cho Phạm Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe SH 125i, BKS: 88L1- 442.32; 01 giấy bán xe đề ngày 03/01/2022 có nội dung: Nguyễn Văn Q bán cho Phạm Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe SH 125i, BKS: 88L1- 665.90; 01 giấy nhận tiền có nộp dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H nhận của Chu Văn L, sinh ngày 30/01/1975, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 100.000.000đ để mua giúp anh Chu Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH nhập khẩu; 01 giấy biên nhận vay tiền có nội dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H có vay của anh Chu Văn L số tiền 100.000.000đ; 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C vay của cửa hàng cầm đồ 0303 số tiền 100.000.000đ; 01 hợp đồng vay tài sản có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C vay số tiền 100.000.000đ (không ghi thông tin bên cho vay) trong thời hạn 02 tháng từ ngày 13/9/2021 đến ngày 13/11/2021. Quá trình điều tra xác định, đây đều là các giấy tờ C hướng dẫn anh D, anh Đ, anh Q, anh H, anh C viết khi làm thủ tục cho những người này vay tiền như đã nêu ở trên, nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 20.000.000đ mà anh Lê Thế C đã trả cho C vào ngày 13/11/2021 nhưng C đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra xác định là tiền C sử dụng vào việc cho vay nên cần truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với tiền 9.534.247đ, là tiền lãi mà C có được khi cho Q, Đ, D, C và H vay. Quá trình điều tra xác định đây là tiền mà bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Như vậy tổng số tiền cần truy thu của bị cáo C là 29.534.247đ. Xác nhận bị cáo C đã tự nguyện giao nộp số tiền 32.000.000đ để khắc phục hậu quả. Do đó cần trả lại cho bị cáo C 2.465.753 (làm tròn 2.465.000đ).

[8]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị C: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2022 đến ngày 12/01/2022 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện Vĩnh Tường nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo C cho UBND xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 657.534đ, là tiền lãi do C đã thu của anh Phạm Văn Q.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 36.400.000đ, là tiền C cho anh Q vay vào ngày 03/01/2022.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.600.000đ do anh Nguyễn Văn Q tự nguyện giao nộp, số tiền 30.000.000đ do anh Bùi Văn Đ tự nguyện giao nộp, số tiền 10.000.000đ do anh Nguyễn Tiến D tự nguyện giao nộp, số tiền 15.000.000đ do anh Phạm Tiến H tự nguyện giao nộp.

- Truy thu của C số tiền 20.000.000đ là tiền anh Lê Thế C đã trả cho C vào ngày 13/11/2021 để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của C số tiền 9.534.247đ là tiền lãi mà C có được khi cho Q, Đ, D, C và H vay để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 2.942.466đ.

- Trả lại cho bị cáo C 2.465.000đ.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án gồm: 01 giấy bán xe đề ngày 31/12/2021; 01 giấy bán xe đề ngày 02/01/2022; 01 giấy bán xe đề ngày 03/01/2022; 01 giấy nhận tiền có nộp dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H nhận của Chu Văn L, sinh ngày 30/01/1975, trú tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 100.000.000đ để mua giúp anh Chu Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH nhập khẩu; 01 giấy biên nhận vay tiền có nội dung: Ngày 08/4/2018, Phạm Tiến H có vay của anh Chu Văn L số tiền 100.000.000đ; 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C vay của cửa hàng cầm đồ

0303 số tiền 100.000.000đ; 01 hợp đồng vay tài sản có nội dung: Ngày 13/9/2021, Lê Thế C vay số tiền 100.000.000đ (không ghi thông tin bên cho vay) trong thời hạn 02 tháng từ ngày 13/9/2021 đến ngày 13/11/2021.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Vĩnh Tường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để đề nghị xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Phòng HS nghiệp vụ công an Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Quỳnh